

Bản án số: 14/2024/HSPT
Ngày 18 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo Lò Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lò Văn M, sinh năm 1966 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Mế, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội nông dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Lò Văn M1 và bà Cầm Thị K; bị cáo có vợ là Cầm Thị N và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự : Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo không kháng cáo Tòa không triệu tập:**

- Quàng Văn P, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1982 tại thành phố S, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Ó, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nơi ở hiện nay: Tổ H, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa không triệu tập:**

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Văn H - Chủ tịch.

- Ban quản lý bản Ngòi, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1976 - Trưởng bản.
- Ban Q2, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Lương Bình Q, sinh năm 1983 - Trưởng bản.
- Ban Q3, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Hà Văn P1, sinh năm 1987 - Trưởng bản.
- Ban Q4, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Lèo Văn Q1, sinh năm 1985 - Trưởng bản.
- Ban Q5, xã C, huyện M. Người đại diện: Bà Lương Thị T1, sinh năm 1982 - Trưởng bản.
- Ban Q6, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Giàng A L, sinh năm 1984 - Trưởng bản.
- Ban quản lý bản Hạm, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Lò Văn T2, sinh năm 1983 - Trưởng bản.
- Ban quản lý bản Mảy, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Lò Văn S, sinh năm 1988 - Trưởng bản.
- Ban Q7, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Sòng A C, sinh năm 1963 - Trưởng bản.
- Ban quản lý bản Mé, xã C, huyện M. Người đại diện: Ông Cầm Văn T3, sinh năm 1965 - Trưởng bản.
- Trung tâm V, huyện M - Y. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức S1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.
- Ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1990. Nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Viễn thông. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.
- Ông Hoàng Văn S2, sinh năm 1991. Nghề nghiệp: Công chức. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.
- Ông Cầm Văn T5, sinh năm 1991. Nghề nghiệp: Công chức. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.
- Ông Lương Văn T6, sinh năm 1959. Nghề nghiệp: Hưu trí. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.
- Chị Hoàng Thị K1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn M giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã C, huyện M từ tháng 06/2015 theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện M. Ngày 15/5/2023, Lò Văn M chuyển sang làm Chủ tịch Hội nông dân xã C. Quảng Văn P là Công chức tài chính kế toán UBND xã C, huyện M từ tháng 07/2019 đến nay theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện M là người có chức vụ quyền hạn chịu trách nhiệm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách cấp xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã C, Lò Văn M đã trực tiếp cùng Quảng Văn P thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của UBND xã C như sau:

Vụ thứ nhất: Từ tháng 05/2018 đến cuối năm 2020 Lò Văn M đã nhiều lần lấy tiền quỹ của UBND xã C, huyện M tổng số tiền 103.000.000VND để sử dụng vào mục đích cá nhân, các lần lấy tiền đều được ghi chép trong sổ quỹ của Hoàng Văn S2 là Công chức Văn phòng thống kê, kiêm thủ quỹ xã C từ tháng 07/2014 đến tháng 05/2022. Lò Văn M đã trả được 68.000.000VND trong tổng số 103.000.000VND.

Ngày 29/4/2022, Hoàng Văn S2 được điều động đến nhận công tác tại UBND xã C, huyện M theo quyết định 1005/QĐ-UBND của UBND huyện M. Ngày 10/6/2022, Hoàng Văn S2 quay lại UBND xã C làm các thủ tục bàn giao quỹ. Quá trình bàn giao có sự tham gia của Lò Văn M, Quảng Văn P và Hoàng Văn S2 và lập biên bản thể hiện nội dung bàn giao đồ vật tài liệu và quỹ tiền mặt là 54.106.000VND thuộc khoản thu, chi của xã cụ thể như sau:

Tiền kinh phí hỗ trợ tiền điện chênh lệch các năm 2017 là 408.000VND và 2018 là 4.320.000VND. Tổng là 4.728.000VND theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND huyện M, đây là tiền thuộc ngân sách của UBND tỉnh S cấp về tài khoản gửi giữ tại kho bạc của UBND xã C và ủy nhiệm chi cho người thụ hưởng tại địa bàn xã (có danh sách kèm theo), hiện chưa chi cho được các đối tượng thụ hưởng.

Tiền thanh toán chế độ cho người hoạt động không chuyên trách cấp bản năm 2019 là 3.544.000VND, đây là tiền nằm trong khoản tiền 86.036.000VND UBND xã Chiềng Chung rút tại ngân sách của xã được cấp năm 2019 theo Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện M, có danh sách kèm theo. Trên chứng từ, sổ sách quyết toán năm 2019 đều thể hiện đã chi hết số tiền trên, tuy nhiên thực tế trong danh sách đồng chí Lường Văn H1 được hưởng tiền hỗ trợ 3.544.000VND không thôi đảm nhiệm chức vụ mà chỉ chuyển sang vị trí công tác khác nên không được hưởng trợ cấp, số tiền trên phải nộp lại ngân sách cấp xã tại Kho bạc nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động của đội văn nghệ các bản xã Chiềng Chung năm 2022 là 22.000.000VND, đây là tiền UBND xã C rút tại Ngân sách của năm 2022 theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của xã C (có danh sách kèm theo). Trên chứng từ, sổ sách kế toán đều thể hiện đã chi số tiền này

nhưng đến thời điểm bàn giao quỹ vẫn chưa chi cho các đối tượng thụ hưởng.

Tiền khen thưởng các bản đạt tiêu chuẩn không ma túy là 15.000.000VND, đây là tiền UBND xã C rút tại ngân sách xã năm 2021 theo Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 và Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh S, có danh sách kèm theo. Trên chứng từ, sổ sách kế toán đều thể hiện đã chi số tiền trên và thực hiện quyết toán ngân sách năm 2021, thời điểm bàn giao quỹ chưa chi trả cho các đối tượng thụ hưởng.

Tiền các khoản thu của xã là 8.834.000VND, đây là tiền quỹ hoạt động tài chính ngoài ngân sách năm 2021 còn tồn sang năm 2022 (thuộc nguồn thu ngân sách 100% xã được sử dụng), đến thời điểm bàn giao quỹ chưa sử dụng hết.

Tại thời điểm bàn giao Lò Văn M đang cầm tiền của quỹ là 35.000.000VND, số tiền còn lại quỹ là 19.106.000VND. Mạc, P và S2 thống nhất S2 bàn giao lại số tiền 19.106.000VND cho P quản lý, còn số tiền 35.000.000VND Mạc sẽ chủ động trả quỹ sau. Ngày 12/6/2022, Hoàng Văn S2 bàn giao cho Quảng Văn P số tiền 19.106.000VND, P không báo lại cho M về việc đã nhận số tiền trên, mà tự ý sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Sau đó, do chưa có 35.000.000VND để trả vào quỹ ngân sách nên M không thực hiện bàn giao quỹ và không yêu cầu P bàn giao 19.106.000VND tiền mặt còn lại của quỹ cho Cầm Văn T5 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã kiêm thủ quỹ UBND xã C từ tháng 05/2022.

Tháng 06/2022, do có nhiều ý kiến của các bản về việc chưa được nhận tiền khen thưởng đối với bản đạt chuẩn bốn không về ma túy nên Lò Văn M đã tự trả 15.000.000VND cho 03 bản đạt chuẩn bốn không về ma túy là bản Khoa, bản Nam và bản Tường Chung mỗi bản 5.000.000VND, sau đó M cho các trưởng bản ký nhận danh sách và chuyển lại chứng từ cho P. Mạc còn nợ lại quỹ là 20.000.000VND.

Ngày 18/11/2022, Cầm Văn T5 thực hiện rút dự toán ngân sách nhà nước tổng số tiền là 357.714.000VND về nhập quỹ tiền mặt tại xã bao gồm các khoản: Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết của các bản năm 2022 là 68.000.000VND; Phụ cấp bản và lương hưu (nguồn xã tự chủ) tháng 9, 10, 11 là 185.112.000VND; Phụ cấp bản và lương hưu (nguồn xã không tự chủ) tháng 9, 10, 11 là 36.294.000VND; Kinh phí hỗ trợ tổ C- 19 cộng đồng tháng 7/2022 là 9.100.000VND; Kinh phí tổ chức kỳ họp chuyên đề 2022 là 2.358.000VND; Kinh phí hoạt động đối với bản năm 2022 là 56.850.000VND.

Ngày 21/11/2022, Lò Văn M hỏi ứng số tiền 65.000.000VND từ quỹ tiền mặt của xã, P nói M gặp T5 để lấy tiền. Mạc xuống phòng làm việc của T5 và bảo T5 chi 65.000.000VND trong quỹ cho M, T5 đồng ý và giao tiền cho M (T5 không biết M sử dụng vào mục đích gì). Ngày 30/11/2022, M đưa cho T5 40.000.000VND để trả vào quỹ, số tiền còn lại 25.000.000VND đã chi tiêu vào

mục đích cá nhân. Ngày 19/01/2023, T5 thực hiện rút dự toán ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000VND là kinh phí hỗ trợ đội văn nghệ của các bản năm 2023 để tiến hành chi trả các bản nhưng do M đang còn nợ tiền kinh phí của xã nên không đủ tiền để trả cho các khoản khác nên M đã thống nhất với P và T5 số tiền 20.000.000VND kinh phí hỗ trợ đội văn nghệ các bản năm 2023 bù vào quỹ để chi trả cho các khoản còn thiếu. P lập danh sách các bản được hỗ trợ kinh phí đội văn nghệ, hoàn thiện các chứng từ để thanh toán tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước huyện M, hoàn thiện trên sổ sách kế toán về việc đã chi số tiền 20.000.000VND trên nhưng thực tế chưa chi cho các đối tượng thụ hưởng. Như vậy tại thời điểm Cơ quan điều tra kiểm tra, xác minh nguồn tin tội phạm thì Lò Văn M đã chiếm đoạt số tiền 45.000.000VND, Quàng Văn P chiếm đoạt số tiền 19.106.000VND từ tiền ngân sách nhà nước của UBND xã C để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ hai: Ngày 01/01/2012, Trung tâm V và Lương Văn T6 là Chủ tịch UBND xã C từ tháng 05/2004 đến tháng 05/2015 ký hợp đồng cho thuê diện tích 300m² đất thuộc quyền sử dụng của UBND xã C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00063-QSDĐ/696/QĐ-UB ngày 15/9/2004 của UBND huyện M để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng lắp đặt thiết bị trạm viễn thông với giá 400.000VND/tháng.

Từ tháng 06/2015 đến 15/5/2023, Trung tâm viễn thông huyện V trực tiếp thanh toán tiền thuê đất cho Lò Văn M bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm V hoặc UBND xã C có giấy biên nhận và chuyển vào tài khoản cá nhân cho Lò Văn M tại ngân hàng M2 tổng số tiền là 33.200.000VND, cụ thể như sau: Các lần thanh toán Lò Văn M nhận tiền mặt trực tiếp tại Trung tâm viễn thông, có giấy biên nhận qua anh Nguyễn Hữu T4 là cán bộ Trung tâm V. Tại giấy biên nhận ngày 03/01/2018 Lò Văn M nhận 4.400.000VND là tiền thuê từ tháng 02/2017 đến tháng 12/2017; ngày 21/11/2018 Lò Văn M nhận 4.400.000VND tiền thanh toán từ tháng 02/2018 đến tháng 12/2018. Có nhiều lần T4 giao tiền mặt cho M tại trụ sở UBND xã nhưng không có giấy biên nhận. Từ tháng 01/2020 đến tháng 06/2022 M nhận được tiền chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân. Vào tháng 06/2022 M đã nhận 4.800.000VND là tiền thuê đất từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2022. Sau lần chuyển khoản trên, Mạc đã trực tiếp ra Trung tâm V để nhận tiền T4 đã đưa trực tiếp tiền mặt cho M và không thực hiện chuyển khoản nữa. Các lần giao nhận trực tiếp tiền mặt không có giấy giao nhận tiền, tuy nhiên Mạc khẳng định đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến gì thắc mắc. Sau khi nhận số tiền trên, Lò Văn M không thực hiện giao nộp vào ngân sách của xã, không nói cho ai biết về số tiền trên mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn M 07 (bảy) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 09/6/2023).

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước cấp xã đối với bị cáo Lò Văn M là 05 (năm) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận đề nghị của Ủy ban nhân dân xã C, huyện M. Buộc bị cáo Lò Văn M nộp lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 78.200.000VNĐ (Bảy mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó: 33.200.000VNĐ là tiền UBND xã C cho thuê mặt bằng lắp đặt dịch vụ viễn thông; 45.000.000VNĐ là tiền hỗ trợ đội văn nghệ của các bản thuộc xã C và các khoản ngân sách nhà nước. Bị cáo Quàng Văn P phải nộp lại tổng số tiền đã chiếm đoạt 19.106.000VNĐ (Mười chín triệu một trăm linh sáu nghìn đồng) là tiền các khoản ngân sách Nhà nước do UBND xã C quản lý. Các bị cáo được khấu trừ số tiền đã nộp tại Cơ quan điều tra. Bị cáo Lò Văn M phải nộp tiếp là 3.000.000VNĐ (Ba triệu đồng).

UBND xã C có trách nhiệm thực hiện việc chi trả cho các đối tượng được hưởng và nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền trên khi được thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2024, bị cáo Lò Văn M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau: Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội Tham ô tài sản.

- Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) còn lại cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, Lò Văn M đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình là chủ tài khoản, quản lý nguồn thu, chi của Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần chiếm đoạt với tổng số tiền là 78.200.000đ. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lò Văn M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục gần toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị cáo có nhiều năm đạt thành tích xuất sắc được nhận giấy khen của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân xã, gia đình bị cáo có bố đẻ, mẹ đẻ và ông nội được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định. Đối với việc áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho rằng bị cáo có nhiều thành tích, được tặng giấy khen của cơ quan có thẩm quyền, nhưng căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo không có huân, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua... theo hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP thì bị cáo không đủ điều kiện được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tình tiết này bị cáo chỉ được xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy bị cáo không được áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng mức hình phạt 07 (bảy) năm tù cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tiếp tục tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Đồng thời, bị cáo có bà nội là Cẩm Thị Đ

được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Xét thấy, bị cáo được sinh sống, nuôi dưỡng trong gia đình có bề dày truyền thống cách mạng; ông, bà, bố, mẹ của bị cáo đều có công với Tổ quốc; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, cần bổ sung tại cấp phúc thẩm. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên vận dụng nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề được áp dụng cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị K1 đã nộp khắc phục số tiền còn lại mà bị cáo phải bồi thường là 3.000.000đ (ba triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn M, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn M 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 09/6/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị K1 đã bồi thường số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn) còn lại cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền